

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 9033: 2011

Xuất bản lần 1

GẠCH CHỊU LỬA CHO LÒ QUAY – KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

Refractory bricks for use in rotary kilns - Dimensions

HÀ NỘI - 2011

Lời nói đầu

TCVN 9033:2011 được chuyển đổi từ TCXDVN 350:2005 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 127/2007/NĐ - CP ngày 01/ 08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 9033:2011 do Viện Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Gạch chịu lửa cho lò quay – Kích thước cơ bản

Refractory bricks for use in rotary kilns – Dimensions

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định kích thước cơ bản của gạch kiềng tính, sa mốt và cao nhôm sử dụng trong lò quay.

2 Kích thước cơ bản

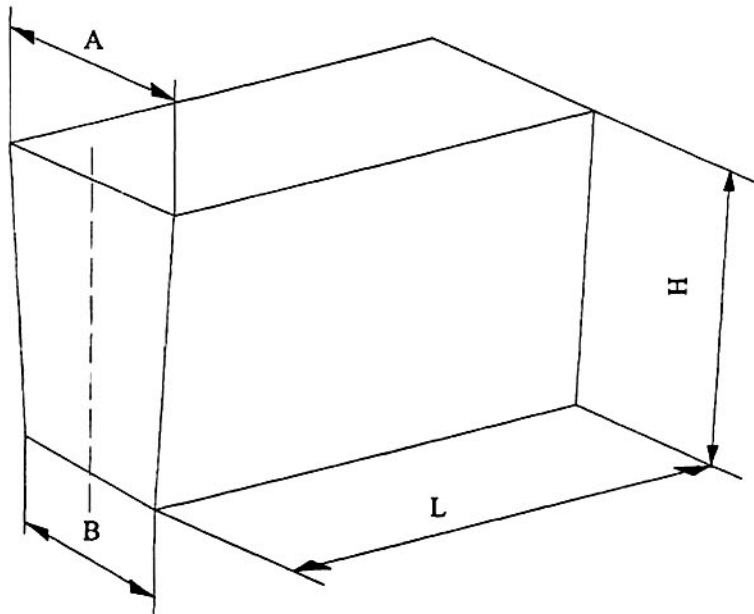
Kích thước cơ bản của gạch kiềng tính, sa mốt và cao nhôm sử dụng trong lò quay được thể hiện ở Bảng 1, 2, 3, 4 và Hình 1.

Nếu yêu cầu gạch dài hơn thì nên dùng gạch có chiều dài $L = 250$ mm.

3 Sai số

Sai lệch kích thước cho phép sẽ được thỏa thuận giữa nhà sử dụng và nhà cung cấp.

CHÚ THÍCH: Trong thực tế khi xây gạch trong lò quay, sai số kích thước chiều dài L là đặc biệt quan trọng.



CHÚ DẪN:

A - Chiều rộng mặt ngửa;

B - Chiều rộng mặt nóng;

H - Chiều cao;

L - Chiều dài.

Hình 1. Hình dạng viên gạch

**Bảng 1 – Kích thước các loại gạch chịu lửa dùng cho lò quay
theo hệ chiều rộng mặt ngội không đổi**

Ký hiệu	Kích thước (mm)			
	A	B	H	L
216	103	86,0	160	198
316		92,0		
416		94,5		
516		96,5		
716		98,3		
218	103	84,0	180	198
318		90,5		
418		93,5		
518		96,5		
618		97,0		
718	97,7			
220	103	82,0	220	198
320		89,0		
420		92,5		
520		94,7		
620		96,2		
720		97,0		
820	97,8			
322	103	88,0	220	198
422		91,5		
522		94,0		
622		95,5		
722		96,5		
822		97,3		
425	103	90,0	250	198
525		92,7		
625		94,5		
725		95,5		
825		96,5		

CHÚ THÍCH : Ký hiệu gạch ở cột đầu tiên của bảng .

x

x x

= Chữ số hàng chục và hàng đơn vị là ký hiệu biểu thị chiều cao gạch xây trong lò quay tính bằng centimét (cm)

= Chữ số hàng trăm là ký hiệu biểu thị gạch cho đường kính lò tính bằng mét (m)

**Bảng 2 – Kích thước các loại gạch chịu lửa dùng cho lò quay
theo hệ chiều rộng trung bình không đổi**

Ký hiệu	Kích thước (mm)			
	A	B	H	L
B216	78	65	160	198
B416	75	68		
B218	78	65	180	198
B318	76,5	66,5		
B418	75	68		
B518	74,5	68,5		
B618	74	69		
B220	78	65	200	198
B320	76,5	66,5		
B420	75	68		
B520	74,5	68,5		
B620	74	69		
B222	78	65	220	198
B322	76,5	66,5		
B422	75	68		
B522	74,5	68,5		
B622	74	69		
B325	78	65	250	198
B425	76,5	66,5		
B525	75	68		
B625	74,5	68,5		
B725	74	69		

CHÚ THÍCH : Ký hiệu gạch ở cột đầu tiên của bảng:

x x x

= Chữ số hàng chục và hàng đơn vị là ký hiệu biểu thị chiều cao gạch xây trong lò quay tính bằng centimét (cm)

= Chữ số hàng trăm là ký hiệu biểu thị gạch cho đường kính lò tính bằng mét (m)

Bảng 3 - Kích thước gạch khoá theo hệ chiều rộng mặt ngoài không đối'

Ký hiệu	Kích thước (mm)			
	A	B	H	L
P 16	83,0	77,5	160	198
P+16	93,0	87,5		
P 18	83,0	77,0	180	
P+18	93,0	87,0		
P 20	83,0	76,2	200	
P+20	93,0	86,2		
P 22	83,0	75,5	220	
P+22	93,0	85,5		
P 25	83,0	74,5	250	
P+25	93,0	84,5		

Bảng 4 - Kích thước gạch khoá theo hệ chiều rộng trung bình không đối'

Ký hiệu	Kích thước (mm)			
	A	B	H	L
BP 16	64,0	59,0	160	198
BP+16	83,0	77,5		
BP 18	64,0	59,0	180	
BP+18	83,0	77,0		
BP 20	64,0	59,0	200	
BP+20	83,0	76,2		
BP 22	64,0	59,0	220	
BP+22	83,0	75,5		
BP 25	64,0	59,0	225	
BP+25	83,0	74,5		